

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 355/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 29/11/2019

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Thế Cần – Đoàn phường Thống Nhất.
2. Ông Trần Công Danh – Cán bộ hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Đặng Hoàng Oanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1759/2019/TLST-HNGĐ, ngày 12/8/2019 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 322/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 429/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 12/11/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: Trường sỹ quan pháo binh xã Thanh Sơn, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội.

2. *Bị đơn:* Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Số 12, tổ 20, khu phố 3A, phường Trảng Dài, thành phố B, tỉnh Đồng Nai

(Anh điệp, chị Hương có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai anh Nguyễn Văn Đ trình bày:

Anh và chị H tự nguyện kết hôn với nhau; có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 29/10/2015. Sau một thời gian chung sống thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Nguyên nhân, mâu thuẫn phát sinh chủ yếu do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Dù hai bên đã cố gắng hòa giải đoàn tụ nhưng vẫn không thể

đoàn tụ để xây dựng gia đình hạnh phúc. Nay anh không còn tình cảm với chị H đề nghị Tòa án nhân dân thành phố B giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Thiện Nh, sinh ngày 21/6/2016. Hiện nay con chung đang sống cùng chị H, ly hôn anh đồng ý giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000đ/01 tháng.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Theo bản tự khai chị Nguyễn Thị H trình bày: Về quan hệ hôn nhân như anh Điệp trình bày là đúng. Quan hệ hôn nhân giữa chị và anh Đ là hoàn toàn tự nguyện. Chị H thừa nhận trong quá trình chung sống giữa chị và anh Điệp có nhiều mâu thuẫn xảy ra, vợ chồng đã hòa giải hàn gắn nhiều lần nhưng không được. Nay anh Đ khởi kiện ly hôn với chị thì chị cũng đồng ý.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Thiện Nh, sinh ngày 21/6/2016. Hiện nay con chung đang sống cùng chị, ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000đ/01 tháng.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai:

Về việc tuân thủ quy định của thẩm phán, thư ký, hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, việc chấp hành pháp luật của bị đơn là không đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Thị H về việc ly hôn, về quan hệ hôn nhân: Anh Đ được ly hôn với chị H, về con chung: giao cháu Nguyễn Thiện Nh, sinh ngày 21/6/2016 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời, anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000đ/01 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung trưởng thành và có khả năng lao động. Về tài sản chung, nợ chung: Cả anh Đ và chị H đều khai không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự:

Nguyên đơn anh Nguyễn Văn Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị H căn cứ Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là ly hôn. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định anh Đ là nguyên đơn, chị H là bị đơn trong vụ án.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị H hiện nay đang cư trú tại thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng

Dân sự năm 2015 xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

[3] Về thủ tục tố tụng khác: Ngày 28/10/2019 nguyên đơn anh Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, ngày 25/11/2019 bị đơn chị H có đơn xin vắng mặt, đơn được anh Đ và chị H viết và nộp tại Tòa án nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ và chị H.

[4] Nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Thị H tự nguyện kết hôn, có làm thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 29/10/2015 nên căn cứ Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, anh Đ xác định không còn tình cảm với chị H, do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã, to tiếng với nhau. Đồng thời, chị H cũng xác định vợ chồng có mâu thuẫn, đã hàn gắn nhiều lần nhưng không được nay anh Đ yêu cầu được ly hôn với chị thì chị cũng đồng ý.

[4.1] Theo biên bản xác minh mâu thuẫn tại địa phương ngày 01/10/2019 nơi anh Đ và chị H sinh sống xác định trong cuộc sống hôn nhân giữa anh Đ và chị H có xảy ra mâu thuẫn hay không thì địa phương không nắm được vì các đương sự không trình báo với địa phương.

[4.2] Mặc dù, địa phương nơi anh Đ và chị H sinh sống không nắm được mâu thuẫn gia đình. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án cả anh Đ và chị H đều xác định mâu thuẫn vợ chồng là có thật, không thể hàn gắn được nữa. Nay anh Đ ly hôn thì chị H cũng đồng ý. Từ những phân tích trên cho thấy, cuộc sống hôn nhân của anh Đ và chị H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu ly hôn của anh Đ là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Thiện Nh, sinh ngày 21/6/2016. Hiện nay con chung đang sống cùng chị Hương, ly hôn anh Đ đồng ý giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000đ/01 tháng. Xét yêu cầu này của anh Đ là có cơ sở chấp nhận vì hiện nay cháu Nh đang sống cùng chị H, con chung còn quá nhỏ cần được sự chăm sóc, nuôi dưỡng từ người mẹ. Mặt khác, chị H cũng mong muốn được trực tiếp nuôi con và đề nghị anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000đ/01 tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai phù hợp với chứng cứ có tại hồ sơ và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Anh Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 68, khoản 4 Điều 147, Điều 220, Điều 228, 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 71, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn Điệp đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Hương về việc ly hôn.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Đ được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Thiện Nh, sinh ngày 21/6/2016 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời, anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000đ/01 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung trưởng thành và có khả năng lao động.

Anh Đ được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản anh Đ thực hiện quyền này. Trong trường hợp cần thiết một trong các bên có quyền xin thay đổi quyền trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, chị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Đ không cấp dưỡng nuôi con số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Đ và chị H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) anh Đ đã nộp theo biên lai thu số 0008931 ngày 23/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa được tính trừ vào án phí anh Điệp phải chịu. Anh Điệp còn phải nộp tiếp số tiền 300.000đ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố B;
- Chi cục THADS TPB
- UBND nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Đào